**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# DANH SÁCH ĐĂNG KÝ NGƯỜI HÀNH NGHỀ

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: **PHÒNG KHÁM ĐA KHOA NHÂN TRÍ THUỘC CÔNG TY TNHH Y KHOA NHÂN TRÍ**
2. Địa chỉ: Đường Cách Mạng Tháng Tám, Khu dân cư Chợ Trạm, Thôn Nam Sơn, Xã Núi Thành, Thành phố Đà Nẵng
3. Thời gian hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Từ 6 giờ 00 đến 19 giờ 00, Từ thứ 2 đến thứ 7
4. Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh:

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Khoa Lợi | 005161/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh YHCT; Bổ sung phạm vi chuyên môn khám chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chúc năng theo Quyết định số 1053/QĐ-SYT ngày 15/09/2026 | Toàn thời gian 06h00-19h00 T2 đến T7 | Trưởng phòng khám, **Người chịu trách nhiệm chuyên môn phòng khám** - Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh Y học cổ truyền; Khám bệnh, chữa bệnh Phục hồi chức năng; Phụ trách phòng khám y học cổ truyền | Không | |
| 2 | Nguyễn Thị Hoàng Mai | 008961/QNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa và PHCN | Toàn thời gian 06h00-19h00 T2 đến T7 | Bác sỹ khám bệnh, chữa bệnh nội khoa – Phục hồi chức năng; Phụ trách phòng khám PHCN | Không | |
| 3 | Khương Minh Đạo | 000285/QNA-CCHN | Chuyên khoa ngoại, khám chữa bệnh hệ ngoại sản, Siêu âm tổng quát | Toàn thời gian 06h00-19h00 T2 đến T7 | Khám bệnh, chữa bệnh ngoại, ngoại sản – Siêu âm tổng quát; Phụ trách phòng khám Ngoại | Phòng khám chuyên khoa Ngoại bác sĩ Khương Minh Đạo (Từ 19h30 đến 21h30 từ thứ 2 đến thứ 7) | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | Nguyễn Thị Tâm | 0016520/BYT-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa sản phụ khoa | Toàn thời gian 06h00-19h00 T2 đến T7 | Bác sỹ khám bệnh, chữa bệnh sản phụ khoa; Phụ trách phòng khám sản | Phòng khám phụ sản bác sĩ Nguyễn Thị Tâm (Từ 19h30 đến 21h từ thứ 2 đến thứ 7) | |
| 5 | Đoàn Thị Thuỳ Dương | 000743/QNA-GPHN | Bác sĩ Răng Hàm Mặt | Toàn thời gian 06h00-19h00 T2 đến T7 | Bác sỹ khám bệnh, chữa bệnh răng hàm mặt; Phụ trách phòng khám Răng Hàm Mặt | Không | |
| 6 | Trần Khánh Nhật | 006203/QNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa | Toàn thời gian 06h00-19h00 T2 đến T7 | Bác sỹ khám bệnh, chữa bệnh nội khoa; Phụ trách cấp cứu | Không | |
| 7 | Đinh Minh Đức | 000918/QNA-CCHN | Bác sĩ Đa khoa | Toàn thời gian 06h00-19h00 T2 đến T7 | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, Siêu âm | Không | |
| 8 | Trịnh Thị Bảo Hân | 001702/ĐNA-GPHN | Chẩn đoán hình ảnh y học | Toàn thời gian 06h00-19h00 T2 đến T7 | Cử nhân Xquang; Phụ trách phòng Xquang | Không | |
| 9 | Phạm Thị Hương | 012146/ĐNAI-CCHN | Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYTBNV ngày 7/10/2015 | Toàn thời gian 06h00-19h00 T2 đến T7 | Điều dưỡng | Không | |
| 10 | Đặng Thị Tuyết Nhung | 0005604/ĐNA-CCHN | Theo QĐ số 41/2025/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 | Toàn thời gian 06h00-19h00 T2 đến T7 | Điều dưỡng | Không | |
| 11 | Châu Thị Dương | 003789/QNA-CCHN | Đa khoa | Toàn thời gian 06h00-19h00 T2 đến T7 | Điều dưỡng viên | Không | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 12 | Nguyễn Tấn Dương | 007950/QNA-CCHN | Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYTBNV ngày 7/10/2015 | Toàn thời gian 06h00-19h00 T2 đến T7 | Kỹ thuật viên X-quang | Không | |
| 13 | Trần Thị Hoàn | 000469/ QNA-GPHN | Y khoa | Toàn thời gian 06h00-19h00 T2 đến T7 | Khám bệnh, chữa bệnh y khoa | Không | |
| 14 | Trần Thị Như Kiều | 005880/ QNA-CCHN | Thực Hiện Theo TT Số 10/2015/TTLT-BYT-BNV Ngày 27/05/2015 Của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp y sỹ | Toàn thời gian 06h00-19h00 T2 đến T7 | Y sĩ | Không | |
| 15 | Lê Thị Kim Ngân | 001892/ĐNA-GPHN | Kỹ thuật y xét nghiệm y học | Toàn thời gian 06h00-19h00 T2 đến T7 | Cử nhân Xét nghiệm | Không | |
| 16 | Nguyễn Thị Hồng Đào | 012852/HCM-CCHN | Chuyên khoa xét nghiệm | Toàn thời gian 06h00-19h00 T2 đến T7 | Cử nhân Xét nghiệm; Phụ trách phòng xét nghiệm | Không | |
| 17 | Võ Thị Hồng Hạnh | 000712/QNA-CCHN | Nội khoa | Toàn thời gian Từ T2 - T7 06h00-19h00 | Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa; Phụ trách phòng khám Nội | không | Tăng từ 12/10/2026 |

*Đà Nẵng, ngày 28 tháng 10 năm 2026*

**TRƯỞNG PHÒNG KHÁM**

**NGUYỄN KHOA LỢI**

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

**GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY TNHH Y KHOA NHÂN TRÍ

**ĐINH TIẾN DANH**